

PHỤ NỮ THAM GIA CỘNG ĐỒNG Ở NÔNG THÔN MIỀN BẮC TRONG GIAI ĐOẠN 1976-1986

NGUYỄN ĐỨC TUYẾN*

Tóm tắt: Bài viết sử dụng các phương pháp xã hội học để nghiên cứu sự tham gia của phụ nữ trong cộng đồng nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986. Việc tham gia cộng đồng của người phụ nữ được xem xét trên tỷ lệ tham gia và mức độ tham gia trong tương quan so sánh với nam giới. Các hoạt động cộng đồng được xem xét là: đoàn thể cộng đồng, hợp tác xã và hoạt động văn hoá - văn nghệ cộng đồng. Nghiên cứu cho thấy, nhìn chung mức độ tham gia của phụ nữ thấp hơn nam giới ở hầu hết các hoạt động cộng đồng, nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này là do tư tưởng bất bình đẳng giới vẫn còn tác động mạnh đến cộng đồng giai đoạn này.

Từ khoá: Tham gia cộng đồng; phụ nữ và sự tham gia cộng đồng; giai đoạn 1976-1986

Abstract: The paper is a sociological study on the participation of women in Northern rural communities during 1976-1986. The community participation of women is evaluated based on participation rates and levels in comparison with those of men. Community activities studied are: unions activities, cooperative and cultural activities. In general, the level of women's participation is lower than that of men in most of the community activities studied, the main cause of this problem is gender inequality which strongly affected the community in this period.

Key words: Community participation; women and community participation; 1976-1986 period.

I. Đặt vấn đề

Giai đoạn 1976-1986 là giai đoạn kinh tế đặc biệt khó khăn, thậm chí được đánh giá là khủng hoảng kinh tế trầm trọng vì nhiều năm tăng trưởng âm và lạm phát phi mã (Dương Ngọc, 2010). Nhiều nhà khoa học đã tiến hành nghiên cứu về giai đoạn này, nhất là phân tích các kinh nghiệm và giải pháp phát triển kinh tế, các chính sách xã hội, mối quan hệ xã hội, bình đẳng xã hội.

* Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Kinh tế khó khăn thường ảnh hưởng mạnh đến phụ nữ vì họ phải chịu trách nhiệm chính trong việc đảm bảo an sinh cho các thành viên gia đình. Mặc dù Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách về công tác phụ nữ, nhất là các vấn đề liên quan đến bình đẳng của phụ nữ, trong đó có sự tham gia của phụ nữ trong cộng đồng, tuy nhiên, các nhà khoa học còn chưa chú ý nhiều đến việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng sự tham gia của phụ nữ trong cộng đồng ở giai đoạn này.

Bài viết là kết quả của Đề tài nghiên cứu “Sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động cộng đồng ở nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986” do Viện nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì năm 2018 nhằm nghiên cứu các mặt tích cực, hạn chế việc tham gia cộng đồng của phụ nữ trong giai đoạn kinh tế - xã hội khó khăn này. Bài viết được kỳ vọng sẽ trở thành nguồn tư liệu cho những nhà khoa học có thêm lý luận và tư liệu thực tế về sự tham gia phụ nữ trong các hoạt động cộng đồng, cụ thể là ở vùng nông thôn miền Bắc giai đoạn sau chiến tranh và trước đổi mới.

II. Phương pháp luận

Nghiên cứu sử dụng một số phương pháp chính sau:

- *Phương pháp Tổng quan tài liệu:* Nhóm nghiên cứu sưu tầm các sách, tạp chí, tài liệu đã công bố nói về sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động cộng đồng nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986 để khái quát tình hình giai đoạn này. Các tài liệu liên quan tới bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội giai đoạn này của Việt Nam, nhất là vùng nông thôn miền Bắc, được thu thập để hiểu rõ hơn sự tác động tới sự tham gia của phụ nữ. Từ những tài liệu thứ cấp, nhóm nghiên cứu có thêm cơ sở phân tích và củng cố nhận xét những vấn đề nghiên cứu của đề tài.

- *Phương pháp Nghiên cứu định lượng:* Nhóm nghiên cứu khảo sát định lượng 407 trường hợp người cao tuổi tại địa phương, năm sinh từ 1942 đến 1968, cơ cấu giới tính tương đương nhau: 203 nam (49,9%) và 204 nữ (50,1%). Số liệu định lượng đưa ra các bằng chứng cụ thể về tần suất và tỷ lệ phụ nữ và nam giới tham gia các hoạt động cộng đồng cụ thể từ đó phát hiện những khác biệt giới trong tham gia các hoạt động cộng đồng giữa phụ nữ và nam giới.

- *Phương pháp Nghiên cứu định tính:* Nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu định tính 18 đối tượng (12 phỏng vấn sâu; 1 thảo luận nhóm 6 đối tượng). Đối tượng nghiên cứu định tính là những người đã từng giữ các vị trí, chức vụ khác nhau, từ tham gia đến quản lý cộng đồng về giai đoạn 1976-1986, hoặc là người có quan sát, trải nghiệm sâu sắc với những sự kiện hoạt động cộng đồng giai đoạn này. Các tư liệu định tính sẽ giúp làm rõ lý do sự khác biệt được phát hiện qua nghiên cứu định lượng.

Địa bàn nghiên cứu: được thực hiện tại Hai xã Nghĩa Hùng và Nghĩa Thắng, thuộc huyện Nghĩa Hùng, tỉnh Nam Định; là địa phương có nhiều đặc điểm đại diện cho vùng nông thôn miền Bắc.

Cách tiếp cận nghiên cứu:

Nhóm nghiên cứu tìm hiểu và so sánh sự tham gia của phụ nữ và nam giới trong các hoạt động cộng đồng, bao gồm: chính quyền, kinh tế, đoàn thể, văn hoá văn nghệ. Bài viết dựa trên cách tiếp cận giới về sự tham gia và cách tiếp cận hiện đại hóa.

Theo cách tiếp cận giới, những định kiến giới truyền thống, đặc biệt là định kiến về phân công lao động giữa nam và nữ, coi phụ nữ gắn với công việc gia đình, ngăn cản người phụ nữ hoạt động xã hội, từ đó hạn chế sự tham gia cũng như mức độ tham gia của phụ nữ trong các hoạt động cộng đồng, cản trở tiến bộ và sự thành công của phụ nữ cũng như các đối tượng yếu thế. Trong khi đó, cách tiếp cận hiện đại hóa lại cho rằng sự thay đổi điều kiện lịch sử, xã hội của thời kỳ hiện đại đã tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động bên ngoài gia đình, từ đó địa vị và tiếng nói của phụ nữ cũng được cải thiện.

Với hai cách tiếp cận trên, nhóm nghiên cứu phân tích, đánh giá việc tham gia của phụ nữ trong hoạt động cộng đồng ở nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976 -1986 một cách đa chiều và chi tiết hơn.

Một số khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu***Khái niệm “Cộng đồng”***

Tác giả Lê Trí An chú ý đến các định nghĩa cộng đồng như sau: “Cộng đồng là tập thể người sống trong cùng một khu vực, một tỉnh hoặc một quốc gia và được xem như một khối thống nhất”; “Cộng đồng là một nhóm người có cùng tín ngưỡng, chủng tộc, cùng loại hình nghề nghiệp, hoặc cùng mối quan tâm”; “Cộng đồng là một tập thể cùng chia sẻ, hoặc có tài nguyên chung, hoặc có tình trạng tương tự nhau về một số khía cạnh nào đó” (Lê Trí An, 2006, tr. 17).

Theo “Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng: Tài liệu dành cho người làm công tác phát triển cộng đồng”, khái niệm cộng đồng được định nghĩa “Là nhóm người sống trong phạm vi thôn, bản, các xã, phường của khu vực nông thôn và thành thị, đặc biệt là các vùng nông thôn vùng sâu, vùng xa. Cộng đồng có những điểm giống nhau, có chung các mối quan hệ nhất định và cùng chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố tác động và là đối tượng cần được quan tâm trong sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay” (Lê Văn An & Ngô Tùng Đức chủ biên, 2016, tr14).

Từ các định nghĩa trên, bài viết xác định khái niệm cộng đồng ở làng xã là nhóm người có cùng chung một đặc điểm, vị trí nào đó và ở trong không gian địa lý làng (thôn) hoặc xã nơi người đó sinh sống.

Cộng đồng gồm nhiều yếu tố cấu thành, trong đó các yếu tố được các nhà xã hội học quan tâm tác động nhằm biến đổi giá trị là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng (Lê Văn An & Ngô Tùng Đức, 2016: tr 14), đây cũng là những yếu tố mà bài viết tập trung tìm hiểu để phát hiện ra những biến đổi và tác động của nó trong giai đoạn này.

Khái niệm “Mức độ tham gia cộng đồng”

Sự tham gia cộng đồng được hiểu là người dân được quyết định hoặc thực hiện các hoạt động của cộng đồng có ảnh hưởng tới cuộc sống của họ. Sự tham gia cộng đồng của người dân thường có tác dụng làm cho các hoạt động/chính sách phù hợp hơn với thực tế cộng đồng và từ đó hoạt động quản lý hiệu quả hơn; các điều kiện kinh tế, xã hội của cộng đồng cũng từ đó được nâng cao.

Về mức độ tham gia, tác giả Lê Trí An định nghĩa rằng: Tham gia cộng đồng là một quá trình người dân cùng tham gia các hoạt động có mục đích chăm sóc cộng đồng dưới nhiều mức độ khác nhau. Tác giả phân biệt 9 mức độ tham gia của người dân (ngoài ra, có thêm mức “0” nghĩa là “không tham gia”) (Lê Trí An, 2006). Trong “Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng”, các tác giả đã đưa ra 6 mức độ tham gia của người dân địa phương (Lê Văn An & Ngô Tùng Đức chủ biên, 2016, tr 17).

Trong nghiên cứu về sự biến đổi khí hậu ở Congo, tác giả Samndong (2018) đã giới thiệu khung mức độ tham gia của Arnstein gồm 4 mức độ chính. Ở mức độ cao nhất, người dân được hình thành và đồng thuận với các quyết định; Ở mức độ tham gia thứ hai, người dân có tác động đến các quyết định, những ý kiến của người dân được lắng nghe và hợp tác thực hiện. Ở mức độ tham gia thứ ba, người dân được giới thiệu trước khi có quyết định; người dân được tham vấn, và tham gia vào các quyết định. Ở mức độ thứ tư, người dân được biết về các quyết định, được giới thiệu về các quyết định đã có (Raymond, 2018: 53-55).

Các tác giả Nguyễn Trung Kiên và Lê Ngọc Hùng trong bài nghiên cứu về sự tham gia đã giới thiệu nhiều thang đo của một số tác giả nước ngoài (Nguyễn Trung Kiên & Lê Ngọc Hùng, 2012). Nhìn chung, các thang đo đều đánh giá mức độ tham gia của người dân từ không tham gia đến mức độ tham gia cao nhất là kiểm soát cộng đồng.

Dựa trên thang đo về mức độ trên để phù hợp với văn hoá Việt Nam và phân biệt rõ hơn các khoảng cách của mức độ tham gia để thuận tiện trong việc thu thập thông tin, nhóm nghiên cứu đã phân thang 3 mức độ tham gia, xếp từ mức độ thấp đến cao: 1) thực hiện theo chỉ thị ở trên; 2) góp ý kiến và thảo luận theo các hoạt động; 3) phát động, lãnh đạo các hoạt động; ngoài ra cũng có mức “không tham gia”. Chúng tôi sử dụng thang đo này để phân tích được mức độ tham gia cộng đồng của phụ nữ tại địa bàn nghiên cứu.

Tổng quan một số nghiên cứu về phong trào của phụ nữ giai đoạn 1976-1986

Sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động cộng đồng giai đoạn 1976-1986 có thể chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1976-1980 và 1981-1986 do sự khác nhau về bối cảnh kinh tế - xã hội.

Năm 1976 là năm tiến hành Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, với đường lối phát triển chung “xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”, về kinh tế “đưa nền kinh tế nước ta đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn

xã hội chủ nghĩa”. Để thực hiện nhiệm vụ này, Đảng đã xác định điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Giai đoạn 1976 - 1980, hợp tác xã (HTX) là thành phần kinh tế quan trọng, ở nông thôn khu vực sản xuất nông nghiệp HTX chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Hưởng ứng những chính sách đưa sản xuất lên quy mô lớn, giai đoạn này Hội Phụ nữ cũng tham gia vào công việc tổ chức lại sản xuất tập trung vào sản xuất lớn. Phụ nữ nông thôn được huy động tham gia HTX. Trong hoạt động kinh tế HTX, phụ nữ bị cho là ít kiến thức hơn, ít kỹ năng hơn, và “họ lệ thuộc vào cách trả công theo công điểm của HTX nông nghiệp, tăng giảm theo mùa vụ được mất, thu nhập bấp bênh, mức sống thấp”, cho nên thu nhập của người phụ nữ nói chung khá thấp so với người nam giới, một số vùng đồng bằng Bắc bộ, thu nhập của nữ nông dân chỉ đạt trên 70% thu nhập của nam nông dân (Lê Minh chủ biên, 1996, tr. 244). Ngoài ra, phụ nữ còn phải dành thời gian cho các công việc nhà, những công việc không được trả công nên nhiều nhà nghiên cứu còn chỉ trích thời kỳ HTX thay vì giải phóng phụ nữ, còn làm cho phụ nữ chịu gánh nặng gấp đôi (Rofel, 1999, trích bởi Nguyễn Phương Lê, 2009).

Đánh giá về việc phụ nữ tham gia trong công tác Hội, năm 1977, báo cáo tổng kết của Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã nhận định: số chị em giữ chức vụ lãnh đạo các cấp Hội lại có chiều hướng giảm sút: “Đội ngũ cán bộ Hội từ trung ương xuống địa phương, nhất là tỉnh huyện, rất thiếu và yếu cả về sức khỏe và năng lực so với yêu cầu và nhiệm vụ rất lớn hiện nay” (Lê Minh, 1996, tr. 81).

Giai đoạn tiếp theo là từ năm 1981-1986. Năm 1981 là năm bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ 3 với nhiệm vụ “Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Năm 1981 cũng là năm ra đời của “Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động” (còn được gọi là “Khoán 100”) và bắt đầu có những chính sách thay đổi lớn khác. Giai đoạn 1981-1986 là một thời kỳ kinh tế khó khăn của đất nước, nguyên nhân là do nhiều chính sách thay đổi so với thời kỳ trước nhưng chưa được hoàn thiện, chưa hoạt động hiệu quả.

Đối với nông thôn miền Bắc, cơ chế khoán trong nông nghiệp chưa hoàn chỉnh vì thế sản xuất chập chững, ngoài ra, vấn đề phân phối lưu thông bị hạn chế, lạm phát và thay đổi giá cả khiến cho thu nhập của người dân thấp ... Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, người phụ nữ nông thôn càng vất vả hơn. Họ là người chịu trách nhiệm chính trong đảm bảo an sinh gia đình đồng thời phải làm những công việc chăm sóc không lương, những công việc mang tiếng là “phụ”. Vì vậy, họ phải chịu nhiều thiệt thòi so với nam giới. Tác giả Lê Minh (1996) cho biết: “... qua nhiều cuộc khảo sát một số vùng ở đồng bằng Bắc Bộ đã cho thấy thời gian làm việc của lao động nữ trong một năm nhiều gấp 2,07 lần thời gian làm việc của nam giới, nhưng họ hưởng thụ chỉ bằng 0,6-0,8 lần nam giới” (Lê Minh, 1996, tr. 245).

Đánh giá giữa hai kỳ đại hội phụ nữ lần thứ 5 và 6 (1982-1986) tác giả Lê Minh (Lê Minh, 1996, tr. 114-115) cho biết, phong trào phụ nữ đã đạt những thành tựu, song vẫn còn những hạn chế: sức khoẻ phụ nữ suy giảm, phúc lợi bị giảm sút, tư tưởng phong kiến, thực dụng tồn tại, đóng góp của lao động nữ chưa được đánh giá công bằng.

III. Thực trạng sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động cộng đồng ở hai xã Nghĩa Hùng và Nghĩa Thắng (huyện Nghĩa Hưng, Nam Định) giai đoạn 1976 – 1986

1. Sự tham gia vào tổ chức chính quyền thôn xã của phụ nữ

Theo kết quả khảo sát, trong số những người được hỏi, tỷ lệ tham gia chính quyền cấp xã/thôn rất thấp, chỉ 30/407 người được khảo sát (7,4%) tham gia chính quyền; trong 30 người, phụ nữ chỉ có 9 người, như vậy, tỷ lệ người tham gia chính quyền xã, thôn thấp, và tỷ lệ nữ tham gia chính quyền xã thôn còn thấp hơn nam giới.

Về mức độ tham gia, hầu hết 392/407 người (96,3%) tham gia ở mức độ thấp “chủ yếu nghe thông báo từ cấp trên và thực hiện”; chỉ có 6 người (1,5%) (cả 6 là nam giới) “tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến cho các hoạt động” và 9 người (2,2%) (trong đó chỉ có 1 là nữ) có hoạt động “Phát động/lãnh đạo/định hướng các hoạt động”. Các số liệu cho thấy ít người tham gia ở mức độ cao, và trong mức độ tham gia cao, số nữ ít hơn hẳn số nam. Như vậy, sự tham gia chính quyền của người phụ nữ thấp hơn nam giới cả về tỷ lệ lẫn mức độ tham gia.

2. Sự tham gia vào các đoàn thể của phụ nữ

Tỷ lệ người tham gia đoàn thể không cao, chỉ có 184/407 người được khảo sát định lượng (45,2%) tham gia đoàn thể, trong đó nam là 92/203 người (tỷ lệ 45,3%) và nữ là 92/204 (tỷ lệ 45,1%). Như vậy, tỷ lệ nữ so với tổng số nữ cũng tương đương với tương quan này của nam giới. Có thể nói sự tham gia đoàn thể giai đoạn này không cao, nhưng người nam cũng như người nữ đều có tỷ lệ như nhau trong tham gia vào đoàn thể.

Về vị trí trong đoàn thể, theo các số liệu thống kê, trong giai đoạn này, hầu hết các vị trí cán bộ đoàn thể đều nam nhiều hơn nữ, kể cả hội viên đoàn thể của cấp xã:

Bảng 1. Vị trí trong đoàn thể (tỷ lệ%)

| Vị trí trong đoàn thể | Cán bộ đoàn thể cấp xã | | Cán bộ đoàn thể cấp thôn | | Hội viên đoàn thể cấp xã | | Hội viên đoàn thể cấp thôn | | Tổng | |
|-----------------------|------------------------|-----|--------------------------|------|--------------------------|-----|----------------------------|------|------|-------|
| | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| Nam | 9 | 9,8 | 17 | 18,5 | 6 | 6,5 | 60 | 65,2 | 92 | 100.0 |
| Nữ | 1 | 1,1 | 8 | 8,7 | 4 | 4,3 | 79 | 85,9 | 92 | 100.0 |
| Chung | 10 | 5,4 | 25 | 13,6 | 10 | 5,4 | 139 | 75,5 | 184 | 100.0 |

Nghiên cứu định tính cũng thu được nhận xét của người dân cho rằng nữ giới ít giữ các chức vụ đoàn thể. Lý do đưa ra là do hội viên các đoàn thể bầu lên, người ta thường chọn những người năng nổ, hoạt bát, và hăng hái tham gia đoàn thể. Người phụ nữ thường không được bầu chọn vì kém hơn về những mặt này.

Khi tìm hiểu nguyên nhân vì sao phụ nữ kém hăng hái, năng nổ, có một số nguyên nhân chính như sau: vì hoàn cảnh gia đình, cụ thể, vì trông con và đảm nhiệm công việc người vợ: “Chị em đi lấy chồng, có con thì bận bịu, dừng lại. Ví dụ, tối báo họp mà con ốm, hoặc con còn nhỏ không gửi ai được thì dần dần mấy lần như vậy là thôi” (Phỏng vấn sâu phụ nữ, 1956.); “Lấy chồng xong thì bỏ luôn” (Phỏng vấn sâu phụ nữ, 1962).

Bảng 2 cho thấy, trong số người có vị trí lãnh đạo đoàn thể, tỷ lệ phụ nữ tham gia và mức độ tham gia đều thấp hơn nam giới. Phân tích về tương quan mức độ tham gia với giới tính, chúng ta thấy cùng ở các cấp lãnh đạo (xã, thôn), nam giới có tỷ lệ cao hơn nữ trong mức độ “lãnh đạo/định hướng, phát động phong trào...”, và người phụ nữ có vị trí lãnh đạo tham gia nhiều ở mức độ “thảo luận và đóng góp ý kiến”. Như vậy, ở các cấp lãnh đạo, mức độ tham gia của phụ nữ không tăng lên cùng với vị trí đảm nhiệm như nam giới.

Bảng 2. Tương quan về vị trí trong đoàn thể và mức độ tham gia đoàn thể theo giới tính (Tỷ lệ %)

| Mức độ tham gia | Giới | Cán bộ đoàn thể cấp xã | | Cán bộ đoàn thể cấp thôn | | Hội viên đoàn thể cấp xã | | Hội viên đoàn thể cấp thôn | | Tổng | |
|---|------|------------------------|------|--------------------------|------|--------------------------|------|----------------------------|------|------------|------|
| | | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| | | | | | | | | | | | |
| Chủ yếu nghe thông báo và thực hiện | Nữ | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 3 | 75,0 | 78 | 98,7 | 81 | 88,0 |
| | Nam | 0 | 0,0 | 1 | 5,9 | 4 | 66,7 | 59 | 98,3 | 64 | 69,6 |
| Tổng số | | 0 | | 1 | | 7 | | 137 | | 145 | |
| Tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến | Nữ | 1 | 100 | 6 | 75,0 | 1 | 25,0 | 1 | 1,3 | 9 | 9,8 |
| | Nam | 3 | 33,3 | 5 | 29,4 | 2 | 33,3 | 1 | 1,7 | 11 | 12,0 |
| Tổng số | | 4 | | 11 | | 3 | | 2 | | 20 | |
| Tham gia vào định hướng, phát động phong trào | Nữ | 0 | 0,0 | 2 | 25,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 2 | 2,2 |
| | Nam | 6 | 66,7 | 11 | 64,7 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 17 | 18,5 |
| Tổng số | | 6 | | 13 | | 0 | | 0 | | 19 | |

Sự thay đổi của các chính sách nhà nước thời kỳ này cũng có tác động đến việc tham gia cộng đồng của phụ nữ: So sánh hai giai đoạn kết hôn giữa 1976-1980 và 1981-1986,

tương quan giữa tỷ lệ tham gia đoàn thể ở nữ có chiều hướng giảm ở giai đoạn sau: 45,2% phụ nữ kết hôn giai đoạn 1976-1980 tham gia đoàn thể giảm xuống còn 44,9% ở giai đoạn 1976-1980.

3. Sự tham gia vào hợp tác xã của phụ nữ

Trong số 338/407 người được hỏi (83,0%) tham gia hợp tác xã (HTX), nếu phân theo giới tính, 160/203 nam giới (78,8%), và nữ là 178/204 (87,3%). Các số liệu trên cho thấy tỷ lệ người tham gia HTX cao, và tỷ lệ nữ tham gia cao hơn nam. Tuy nhiên, số lượng phụ nữ có chức vụ trong HTX kém hơn nhiều so với nam giới.

Bảng 3: Vị trí người tham gia HTX theo giới tính (Tỷ lệ %)

| Vị trí | Ban chủ nhiệm HTX | | Đội trưởng/đội phó | | Thư ký đội | | Thủ kho/thủ quỹ/kế toán | | Không chức vụ (xã viên) | | Tổng | |
|--------|-------------------|-----|--------------------|-----|------------|-----|-------------------------|-----|-------------------------|------|------|-------|
| | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| Nam | 7 | 4,4 | 8 | 5,0 | 2 | 1,2 | 0 | 0,0 | 143 | 89,4 | 160 | 100,0 |
| Nữ | 4 | 2,2 | 2 | 1,1 | 0 | 0,0 | 1 | 0,6 | 171 | 96,1 | 178 | 100,0 |
| Tổng | 11 | 3,3 | 10 | 3,0 | 2 | 0,6 | 1 | 0,3 | 314 | 92,9 | 338 | 100,0 |

Số liệu định lượng về nam và nữ ở các vị trí trong HTX cho thấy: mặc dù tỷ lệ phụ nữ tham gia HTX cao hơn nam, nhưng hầu hết các chức vụ lãnh đạo có tỷ lệ nam giới cao hơn nữ. Theo các nghiên cứu định tính, người dân cho rằng người phụ nữ trình độ quản lý thấp: “thời kỳ đó trình độ phụ nữ có hạn”; và cũng giống như chọn vào các vị trí trong đoàn thể “người ta chọn chủ yếu là người năng nổ” (Thảo luận nhóm người dân, xã Nghĩa Thắng). Cũng có người trả lời định tính cho rằng, căn cứ các yếu tố đặc điểm của đối tượng để bầu lên các chức vụ của HTX như: gia đình có công, đảng viên, học vấn ... nhưng đó không phải là yếu tố chính để lựa chọn lên người lãnh đạo HTX; họ chọn những người có các yếu tố tham gia xã hội cao, như năng nổ, có uy tín.

Về mức độ tham gia HTX, phụ nữ vẫn hạn chế hơn nam giới trong việc tham gia HTX ở mức độ cao. Các số liệu cho biết, phần lớn người tham gia HTX ở mức độ thấp nhất, còn ở mức độ tham gia cao, tỷ lệ nam giới tham gia càng cao hơn nữ (xem bảng sau).

Bảng 4: Mức độ tham gia HTX theo giới tính (Tỷ lệ %)

| Mức độ tham gia | Chủ yếu nghe thông báo và thực hiện | Tham gia thảo luận và góp ý kiến | Phát động, lãnh đạo, định hướng hoạt động |
|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------|---|
| Nam | 87,3 | 6,1 | 6,7 |
| Nữ | 97,2 | 2,3 | 0,6 |
| Chung | 92,4 | 4,1 | 3,5 |

Nếu xem xét khoảng năm kết hôn và việc tham gia HTX, số liệu định lượng cho thấy hiện tượng rõ rệt sự giảm tỷ lệ tham gia HTX của người phụ nữ kết hôn giai đoạn sau: giai đoạn 1975-1980: 91,3% phụ nữ kết hôn giai đoạn này tham gia HTX, giai đoạn 1981-1986 chỉ còn 80,9%. Số lượng phụ nữ đảm nhiệm các chức vụ trong HTX cũng giảm: 5 người (4,8%) giai đoạn 1975-1980 giảm xuống còn 2 người (2,8%) giai đoạn 1981-1986. Mức độ tham gia HTX cũng giảm theo giai đoạn kết hôn:

Bảng 5: Năm kết hôn và mức độ tham gia HTX (Tỷ lệ %)

| Nữ kết hôn theo giai đoạn | Chủ yếu nghe thông báo và thực hiện | Tham gia thảo luận và góp ý kiến | Phát động, lãnh đạo, định hướng hoạt động |
|---------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---|
| 1975-1980 | 96,2 | 2,9 | 1,0 |
| 1981-1986 | 98,6 | 1,4 | 0,0 |

4. Sự tham gia hoạt động văn hoá văn nghệ cộng đồng của phụ nữ

Các hoạt động văn hoá văn nghệ thời kỳ này được cho là “không có gì”, thể hiện ở các hoạt động được phát động bởi đoàn thể/chính quyền ít, số lượng đội văn nghệ cũng ít, chỉ có đội của xã, không có đội văn nghệ của thôn. Chính vì thế, trong 407 người, chỉ có 41 người tham gia hoạt động văn hoá văn nghệ thời kỳ này. Trong 41 người, có 36 người là hội viên, 5 người (4 nam, 1 nữ) làm lãnh đạo ban/đội văn nghệ.

Về số lượng, đội văn nghệ tuy ít nhưng số người tham gia đều là “người được chọn”, “người có năng khiếu”. Theo các nghiên cứu định tính, cả nam và nữ đều là người có năng khiếu/khả năng về văn nghệ và cũng là những người nhiệt tình tham gia, nhưng đội trưởng đội văn nghệ thường là nam giới, vì nam giới được cho rằng ngoài năng khiếu/khả năng về hoạt động văn nghệ, họ có khả năng tổ chức: “Đội trưởng đội văn nghệ thường là nam, người có năng khiếu; nữ cũng có năng khiếu nhưng không bằng nam, nam bao giờ cũng có tính quyết định hơn nữ” (Phòng văn sâu Phó chủ tịch Hội Phụ nữ xã Nghĩa Hưng); đồng thời, so với thành viên nữ, nam tham gia đội văn nghệ là người ít bị cản trở bởi gia đình: “Trưởng chỉ huy đội văn nghệ chủ yếu là nam, họ có điều kiện hơn, không vướng gia đình” (Thảo luận nhóm người dân, xã Nghĩa Thắng). Như vậy, đối với một hoạt động cần chuyên môn, người lãnh đạo vẫn là nam giới do họ có ưu thế về xã hội và không bị hạn chế bởi công việc gia đình.

Nếu đối chiếu theo năm kết hôn và sự tham gia hoạt động văn nghệ của đoàn thể tổ chức, số lượng phụ nữ tham gia vào đội văn nghệ cũng giảm ở giai đoạn sau (từ 7,8% số nữ trong giai đoạn kết hôn 1976-1980; xuống còn 5,6% trong giai đoạn 1981-1986).

IV. Một số kết luận

Qua phân tích số liệu định lượng, nghiên cứu dữ liệu định tính, chúng tôi thấy có một số đặc điểm của sự tham gia và mức độ tham gia vào các hoạt động cộng đồng của người dân giai đoạn 1976-1986:

- Trong hoạt động cộng đồng, yếu tố năng nổ, hoạt bát của người dân được chú ý nhiều hơn các yếu tố thành phần gia đình. Phụ nữ ở giai đoạn này được cho là kém hơn nam giới về sự năng nổ, hoạt bát nên việc tham gia của họ vào các hoạt động cộng đồng bị hạn chế.

- Tư tưởng cộng đồng lạc hậu là nguyên nhân ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến sự tham gia của người phụ nữ. Thời kỳ này tư tưởng gắn phụ nữ với công việc gia đình đã làm hạn chế người phụ nữ tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Tư tưởng cho rằng phụ nữ kém hơn nam giới về khả năng lãnh đạo, nên hạn chế họ trong việc đảm nhiệm các vị trí chức vụ trong cộng đồng và hạn chế họ tham gia ở mức độ cao.

- Việc thay đổi mô hình kinh tế - xã hội có tác động mạnh đến sự tham gia hoạt động cộng đồng của phụ nữ. So sánh giai đoạn trước và sau khi giao ruộng đất cho hộ gia đình (khoán 100), chúng ta thấy có sự giảm sút các hoạt động cộng đồng của phụ nữ địa phương ở giai đoạn 1981-1985, điều này là do gia đình người dân nông thôn được nhận ruộng khoán, họ dành thời gian cho hoạt động kinh tế gia đình, vì thế hạn chế hoạt động cộng đồng.

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Ngọc (2010). *3 lần khủng hoảng và 3 lần chuyển vị thế của Việt Nam*. Lấy từ: <http://vneconomy.vn/thoi-su/3-lan-khung-hoang-va-3-lan-chuyen-vi-the-cua-viet-nam-20105194034740.htm>
2. Lê Minh (chủ biên); Trương Thị Mỹ Hoa (chủ trì); Nguyễn Phương Minh, Lê Minh, Nguyễn Thị Nam, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Băng Thanh (biên soạn) (1996). *Hai mươi năm một chặng đường phát triển của phụ nữ Việt Nam : 1975-1995*. Hà Nội: Nhà xuất bản Phụ nữ.
3. Lê Trí An biên soạn (2006). *Công tác xã hội nhập môn*. Tp Hồ Chí Minh: Đại học Mở Tp Hồ Chí Minh.
4. Lê Văn An, Ngô Tùng Đức chủ biên. (2016). *Sổ tay Hướng dẫn về phát triển cộng đồng: Tài liệu dành cho người làm công tác phát triển cộng đồng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thanh niên.
5. Nguyễn Trung Kiên, Lê Ngọc Hùng (2012). Quản lý xã hội dựa vào sự tham gia: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1 (117)/2012. - tr. 103-113
6. Nguyễn Phương Lê (2009). *Changing of Women's Roles in Production under a Patriarchal Society: Case Study in a Traditional Craft Village, Northern Vietnam*. *Asean Social Science*, Vol.5, No.3, March.
7. Raymond Achu Samndong (2018). *The Illusion of Participation: Tokenism in REDD+ Pilot Projects in the Democratic Republic of Congo* / In: Emmanuel O. Nuesiri ed. : *Global Forest Governance and Climate Change: Interrogating Representation, Participation, and Decentralization*. - Potsdam: Palgrave Macmillan p. 51-80.